TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/KDTM-ST
Ngày: 18/8/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh – Kiểm sát viên

Ngày 15 và 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2023/QĐXX-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2023/QĐHPT ngày 26/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty G (Nay là Công ty ADM)

Trụ sở: phường An Phú, TP Thuận An, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim Ph; Bà Lữ Thị Yến Nh

Địa chỉ: 456-458 Hai Bà Trưng, (tầng trệt – G01), phường Tân Định,

quận 1, TPHCM; Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2023

Bị đơn: Công ty CS

Trụ sở: phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang H, sinh năm 1980

Địa chỉ chổ ở: phường 15, quận Tân Bình, TPHCM

(Đại diện nguyên đơn có mặt; Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH G (nay là Công ty ADM) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty CS (sau đây gọi là Công ty CS) và Công ty ADM có ký kết Hợp đồng dịch vụ ngày 04/4/2020 về hoạt động marketting và bán hàng online trên các trang thương mại điện tử. Theo đó, Công ty ADM cung ứng hàng hóa, phân phối sản phẩm là thức ăn chăn nuôi cho thú cưng để Công ty CS bán lẻ trên nền tảng thương mại điện tử. Công ty ADM sẽ trả cho Công ty CS phí dịch vụ cố định và phí dịch vụ hoa hồng dựa trên doanh số bán hàng thực tế hàng tháng. Hai bên sẽ kiểm tra và nghiệm thu, đối chiếu báo cáo bán hàng thực tế trên các sàn thương mại điện tử, đối chiếu phí dịch vụ, hoa hồng vào ngày 25 tây hàng tháng. Công ty CS phải thanh toán cho Công ty ADM trong hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ. Trường hợp Công ty CS vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu một khoản phạt bằng 8% giá trị vi phạm, cộng thêm một khoản lãi chậm thanh toán theo lãi suất hai bên thỏa thuận là 0,05%/ ngày.

Hai bên thực hiện hợp đồng nghiêm túc đến ngày 31/5/2021. Từ 01/6/2021 đến ngày 30/9/2021 là giai đoạn giản cách xã hội vì dịch bệnh Covid nên hai bên không liên lạc với nhau để quyết toán phí dịch vụ và tiền bán hàng hóa. Ngày 24/02/2022 hai bên đã ký Biên bản xác nhận công nợ thì tổng số tiền Công ty CS còn phải thanh toán cho Công ty ADM là 194.475.582 đồng. Nhưng Công ty CS vẫn chưa thanh toán cho Công ty ADM số tiền này. Do đó, Công ty ADM khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty CS phải thanh toán: Nợ gốc là 194.475.582 đồng + Phạt vi phạm hợp đồng là 15.558.046 đồng (194.475.582 đồng x 8%) + Lãi chậm thanh toán là 45.604.524 đồng (tính từ ngày 24/02/2022 đến ngày 08/6/2023 là 469 ngày x 194.475.582 đồng x 0,05%/ ngày). Tổng cộng là 255.638.153 đồng.

Ông Lê Quang H đại diện Công ty CS trình bày:

Công ty CS và Công ty G (nay là Công ty ADM) có ký với nhau Hợp đồng dịch vụ vào ngày 04/4/2020. Nội dung hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Hai bên cũng đã xác nhận công nợ vào ngày 24/02/2022 là tính tới ngày 24/02/2022, phía Công ty CS còn nợ tiền hàng hóa đối với Công ty ADM số tiền 194.475.582 đồng. Công ty CS đề nghị thanh toán nợ gốc 194.475.582 đồng trong thời hạn 06 tháng, hạn cuối cùng là ngày 31/12/2023. Đến ngày 31/12/2023 mà Công ty CS vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền này thì Công ty CS thanh toán thêm số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 15.558.047 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán.

Do các bên không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án nên đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của Công ty ADM cho biết Công ty CS đã thanh toán nợ gốc 30.000.000 đồng vào ngày 20/7/2023, nên nợ gốc

còn lại là 164.475.582 đồng. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty CS phải thanh toán:

- Nợ gốc là 164.475.582 đồng;

- Phạt vi phạm hợp đồng là 194.475.582 đồng x 8% = 15.558.046 đồng;

- Lãi chậm thanh toán:

+ Từ ngày 24/02/2022 đến ngày 19/7/2023 là 510 ngày x 194.475.582 đồng x 0,05%/ ngày = 49.591.273 đồng;

+ Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 15/8/2023 là 26 ngày x 164.475.582 đồng x 0,05%/ ngày = 2.138.183 đồng;

49.591.273 đồng + 2.138.183 đồng = 51.729.456 đồng;

Tổng cộng: 164.475.582 đồng + 15.558.046 đồng + 51.729.456 đồng = 231.763.085 đồng.

Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu đúng quy định tại Điều 203, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc, phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 513, 515, 519 Bộ luật dân sự và Điều 301 Luật thương mại. Điều chỉnh và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại và Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi chậm thanh toán theo quy định pháp luật cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận. Cấn trừ và hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng cung ứng dịch vụ, phạt vi phạm hợp đồng và trả tiền lãi do chậm thanh toán. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513 của Bộ luật dân sự năm 2015, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Đại diện bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

2.1 Về yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản xác nhận công nợ, bản tự khai của các bên đương sự và biên bản hòa giải hai bên đã xác nhận công nợ với nhau. Theo đó, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 194.475.582 đồng, ngày 20/7/2023 đã thanh toán 30.000.000 đồng, còn 164.475.582 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền này là phù hợp quy định tại 513, Điều 515, Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

2.2 Về yêu cầu thanh toán tiền phạt cho vi phạm hợp đồng:

Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận về phạt vi phạm tại Điều 6 của Hợp đồng dịch vụ ngày 04/4/2020. Theo đó, khi một bên vi phạm nghĩa vụ của hợp hồng phải chịu một khoản phạt bằng 8% giá trị hợp đồng vi phạm. Tại Điều 4 của Biên bản xác nhận công nợ ngày 24/02/2022, Công ty Cuộc Sống cam kết thanh toán số tiền 194.475.582 đồng ngay khi nhận được biên bản này nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Nguyên đơn tính phạt vi phạm hợp đồng: 194.475.582 đồng x 8% = 15.558.046 đồng là phù hợp thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định tại Điều 301 Luật thương mại 2005 nên có cơ sở để chấp nhận.

2.3 Về yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán:

Các bên đương sự thỏa thuận về tiền lãi do chậm thanh toán tại Điều 6 của Hợp đồng dịch vụ ngày 04/4/2020; Theo đó, khi một bên chậm thanh toán cho bên còn lại theo quy định của hợp đồng thì phải thanh toán thêm một khoản tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 0,05%/ ngày.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán như sau:

+ Từ ngày 24/02/2022 đến ngày 19/7/2023 là 510 ngày x 194.475.582 đồng x 0,05%/ ngày = 49.591.273 đồng;

+ Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 15/8/2023 là 26 ngày x 164.475.582 đồng x 0,05%/ ngày = 2.138.183 đồng;

49.591.273 đồng + 2.138.183 đồng = 51.729.456 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Mục thanh toán đơn đặt hàng tại Điều 1 của Hợp đồng dịch vụ, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán trong vòng 7 ngày làm việc sau khi bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ. Tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 24/02/2022 thể hiện nguyên đơn có xuất ba hóa đơn vào ngày 26/01/2022 cho bị đơn nên việc nguyên đơn tính lãi chậm thanh toán từ ngày 24/02/2022 là phù hợp.

Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng về chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ về lãi suất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Gia định; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 9; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 17%/năm nên lãi chậm thanh toán được tính như sau:

+ Từ ngày 24/02/2022 đến ngày 19/7/2023 là 510 ngày x 194.475.582 đồng x 17%/ năm = 46.194.610 đồng;

+ Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 15/8/2023 là 26 ngày x 164.475.582 đồng x 17%/ năm = 1.991.731 đồng;

46.194.610 đồng + 1.991.731 đồng = 48.186.341 đồng.

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 51.729.456 đồng tiền lãi do chậm thanh toán là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu này của nguyên đơn. Bị đơn có nghĩa vụ trả 48.186.341 đồng tiền lãi do chậm thanh toán cho nguyên đơn.

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*". Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi chậm thanh toán tính từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2.4. Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên yêu cầu này là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nội dung vụ án và đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 301; Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 513, 515 và 519 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đôi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 11; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là Công ty ADM đối với bị đơn là Công ty CS.

Buộc Công ty CS có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty ADM số tiền 228.219.969 đồng *(hai trăm hai mươi tám triệu, hai trăm mười chín ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng*). Trong đó nợ gốc là 164.475.582 đồng (*một trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn, năm trăm tám mươi hai đồng*); phạt vi phạm hợp đồng là 15.558.046 đồng (*mười lăm triệu, năm trăm năm mươi tám ngàn, không trăm bốn mươi sáu đồng*) và lãi chậm thanh toán là 48.186.341 đồng (*bốn mươi tám triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi mốt đồng*).

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty CS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.410.998 đồng (*mười một triệu, bốn trăm mười ngàn, chín trăm chín mươi tám đồng*).

- Công ty ADM phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng).* Cấn trừ vào số tiền 4.861.890 đồng (*bốn triệu, tám trăm sáu mươi mốt ngàn, tám trăm chín mươi đồng*) là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0011885 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho Công ty TNHH G (nay là Công ty ADM) số tiền 1.861.890 đồng (*một triệu, tám trăm sáu mươi mốt ngàn, tám trăm chín mươi đồng*).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã

được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị